

Bản án số: 731/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07/12/2020
V/v: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bùi Tường Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;
2. Bà Lê Thị Kim Em;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 417/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1981; Địa chỉ: P1216 - CT5-ĐN3-Đô thị M, tổ dân phố 13, phường M, quận N, Thành phố H; Tạm trú: A3-3 Green View, khu phố 6, phường T, Quận B, Thành phố H (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn L – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Q – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1978; Địa chỉ: P1216 - CT5-ĐN3-Đô thị M, tổ dân phố 13, phường M, quận N, Thành phố H; Tạm trú: A3-3 Green View, khu phố 6, phường T, Quận B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2020, tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thái H qua thời gian tìm hiểu một năm, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại quận Clarke, bang Georgia, Hoa Kỳ theo Khế ước hôn nhân ngày 26/6/2006 (hồ sơ lưu tại văn phòng trong sổ ghi chép kết hôn số 06ML00484 vào ngày 03/5/2010) và đã được hợp pháp hóa lãnh sự số 206-05/LS-HPH/2010 ngày 17/5/2010 của Tổng lãnh sự quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ.

Thời gian đầu khi còn ở Mỹ thì vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khi trở về Việt Nam và đặc biệt trong thời gian bốn năm gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm cũng như về tài chính, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, quan điểm sống cũng như quan điểm về hôn nhân và vai trò của vợ chồng không giống nhau nên bà và ông H không thể thảo luận được các vấn đề trong gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, hiện nay bà đã chuyển ra ngoài sống riêng, bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thái H do tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thái H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hà D (nam), sinh ngày 05/8/2007 và Nguyễn Hà V (nam), sinh ngày 27/4/2010, bà yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu ông Nguyễn Thái H cấp dưỡng nuôi con.

Theo bà H trình bày, từ khi có con đến nay, hầu hết việc chăm sóc, nuôi dạy con đều do bà trực tiếp làm nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con. Hiện nay bà có tài sản riêng là căn hộ số E206 Hưng Vượng – R16, khu phố 3, phường T, Quận B, Thành phố H và có thu nhập ổn định từ việc cho thuê căn hộ này cũng như thu nhập từ việc tư vấn du học nên bà có đủ điều kiện để chăm sóc, đưa rước và chu cấp tiền ăn học hàng tháng cho hai con đầy đủ.

Về tài sản chung và nợ chung: bà cam kết bà và ông Nguyễn Thái H không có tài sản chung, nợ chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn L – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Q – Đoàn luật sư Thành phố H trình bày:

Theo trình bày của bà H trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa đã xác định hôn nhân giữa bà H và ông H chỉ tồn tại về mặt pháp lý, cả hai không còn ở chung, không có quan hệ vợ chồng, chỉ liên hệ nhau về các

vấn đề liên quan đến con. Tòa đã triệu tập ông H nhiều lần nhưng ông H không đến Tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà H, đề nghị Tòa giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H do tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, không có khả năng đoàn tụ, bà H đã cố gắng chịu đựng một thời gian dài, bà muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: bà H và ông H có hai con chung tên Nguyễn Hà D (nam), sinh ngày 05/8/2007 và Nguyễn Hà V (nam), sinh ngày 27/4/2010, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, bà H vẫn đảm bảo việc nuôi con và nguyện vọng hai con vẫn muốn được tiếp tục ở với mẹ, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng để không xáo trộn cuộc sống của hai bé.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông H không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị đơn, ông Nguyễn Thái H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hồng H đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn, ông Nguyễn Thái H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thái H tự nguyện sống chung từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại quận Clarke, bang Georgia, Hoa Kỳ theo Khế ước hôn nhân ngày 26/6/2006 (hồ sơ lưu tại văn phòng trong sổ ghi chép kết hôn số 06ML00484 vào ngày 03/5/2010) và đã được hợp pháp hóa lãnh sự số 206-05/LS-HPH/2010 ngày 17/5/2010 của Tổng lãnh sự quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Do cuộc sống chung không hạnh phúc, bà Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thái H. Đây là tranh chấp về ly hôn, loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, ông Nguyễn Thái H có địa chỉ cư ngụ tại Quận 7 nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn, ông Nguyễn Thái H đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không có lý do.

Bị đơn, ông Nguyễn Thái H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thái H do phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm cũng như về tài chính giữa hai vợ chồng, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, quan điểm sống cũng như quan điểm về hôn nhân và vai trò của vợ chồng không giống

nhau nên không thể thảo luận được các vấn đề trong gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thái H do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ.

Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1978 có đăng ký tạm trú và đang thực tế cư trú tại địa phương ở địa chỉ A3-3 chung cư GreenView đường Nguyễn Lương Bằng, khu phố 6, phường Tân Phú, Quận 7 và theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Phú, Quận 7 thì phường không có nhận được trình báo về việc bị đánh đập, ngược đãi, bạo hành gia đình... cũng như tình trạng hôn nhân, mức độ, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thái H.

Xét thấy, ông Nguyễn Thái H không đến Tòa theo giấy triệu tập, không có văn bản trình bày ý kiến về việc có hay không đồng ý với yêu cầu trên của bà H và cũng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà H là không có cơ sở. Việc ông H cố tình không đến Tòa tham gia tố tụng là đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo bà H trình bày, bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay và không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà đã dọn ra ngoài sống riêng hơn một năm nay nhưng vẫn thường xuyên về nhà để chăm lo cho các con, mỗi lần bà về nhà giữa bà và ông H không có sự trao đổi, nói chuyện với nhau, mạnh ai nấy sống. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà H và ông H đã không còn sống chung với nhau, cả hai không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Hồng H và đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tại phiên tòa đều yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên có thể xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H là trầm trọng, cả hai không còn sống chung, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp luật, bởi thực tế quan hệ hôn nhân giữa bà Hạnh ông Hà không còn tồn tại, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng H với ông Nguyễn Thái H.

[3.2] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Hồng H xác định giữa bà và ông Nguyễn Thái H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hà D (nam), sinh ngày 05/8/2007 và Nguyễn Hà V (nam), sinh ngày 27/4/2010, bà yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu ông Nguyễn Thái H cấp dưỡng nuôi con.

Theo bà H trình bày, từ khi có con đến nay, hầu hết việc chăm sóc, nuôi dạy con đều do bà trực tiếp làm nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con và đây cũng là mong muốn của hai trẻ. Hiện nay bà có tài sản riêng là căn hộ số E206 Hưng Vượng – R16, khu phố 3, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và có thu nhập ổn định từ việc cho thuê căn hộ này cũng như thu nhập từ việc tư vấn du học nên bà có đủ điều kiện để chăm sóc, đưa rước và chu cấp tiền ăn học hàng tháng cho hai con đầy đủ.

Xét, yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con của bà H là phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ Nguyễn Hà D và Nguyễn Hà V tại bản tự khai ngày 03/8/2020 về việc muốn sống chung với mẹ và bà H đã chứng minh mình có đủ điều kiện về vật chất lẫn tinh thần để chăm lo cho hai con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Hạnh xác định giữa bà và ông Nguyễn Thái H không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn, ông Nguyễn Thái H.

- Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng H. Cho bà Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Thái H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Nguyễn Hà D (nam), sinh ngày 05/8/2007 và Nguyễn Hà V (nam), sinh ngày 27/4/2010, ông Nguyễn Thái H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thái H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà H xác định không có.

4. Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2018/0032822 ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt bị đơn.

Ông Nguyễn Thái H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Q7;
- Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Đức.TK).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Bùi Tường Vân